

KẾT QUẢ THI TUYỂN CAO HỌC NĂM 2011

TT	Họ và tên thí sinh		GT	Ngày sinh	SBD	ĐT	CN dự thi	Điểm thi			Tổng điểm (Toán + H.hữu cơ)		Ghi chú
								N.Ng	Toán	Hóa HC	Chưa làm tròn	Đã làm tròn	
1	Trần Thị Thúy	An	Nữ	24/07/1987	CH16001	TD	TCQLD	67,0	8,50	6,00	14,50	14,5	
2	Đặng Thu	Anh	Nữ	21/08/1988	CH16002	TD	DL&DLS	63,5	6,50	3,75	10,25	10,5	
3	Đỗ Tú	Anh	Nữ	28/10/1988	CH16003	TD	TCQLD	66,0	7,00	8,00	15,00	15,0	
4	Kiều Mai	Anh	Nữ	22/05/1983	CH16004	CB	DL&DLS	67,5	7,25	9,25	16,50	16,5	
5	Nguyễn Thị Hoàng	Anh	Nữ	05/06/1987	CH16005	CB	DL&DLS	70,0	9,25	9,25	18,50	18,5	
6	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	Nữ	23/03/1987	CH16006	TD	TCQLD	Bỏ thi					
7	Phạm Thị	Anh	Nữ	15/03/1986	CH16007	CB	DL-DHCT	58,0	6,25	9,00	15,25	15,5	
8	Phạm Thị Vân	Anh	Nữ	10/04/1987	CH16008	TD	DL&DLS	78,0	8,50	7,50	16,00	16,0	
9	Lưu Phương	Ánh	Nữ	31/08/1986	CH16009	TD	DL&DLS	82,5	7,00	7,00	14,00	14,0	
10	Nguyễn Ngọc	Ánh	Nữ	24/10/1986	CH16010	TD	DL-DHCT	55,5	5,00	2,00	7,00	7,0	
11	Đinh Gia	Ban	Nam	15/08/1984	CH16011	CB	DL&DLS	58,5	6,50	7,25	13,75	14,0	
12	Đào Văn	Bang	Nam	11/02/1984	CH16012	TD	DL&DLS	Bỏ thi					
13	Nguyễn Thị	Bình	Nữ	17/06/1987	CH16013	TD	HS dược	Bỏ thi					
14	Nguyễn Đức	Cảnh	Nam	02/12/1987	CH16014	TD	TCQLD	73,0	5,50	7,25	12,75	13,0	
15	Nguyễn Thúy	Diệp	Nữ	21/11/1985	CH16015	TD	DL&DLS	Bỏ thi					
16	Lê Thị	Dinh	Nữ	09/09/1973	CH16016	CB	TCQLD	60,5	8,50	8,25	16,75	17,0	
17	Đào Thị Thùy	Dung	Nữ	12/08/1984	CH16017	TD	CNDP&BC	65,0	5,00	6,50	11,50	11,5	
18	Phạm Thị Thùy	Dung	Nữ	17/03/1987	CH16018	TD	TCQLD	50,0	6,75	4,00	10,75	11,0	
19	Lê Anh	Dũng	Nam	22/01/1982	CH16019	DN	TCQLD	57,0	5,00	5,00	10,00	10,0	
20	Phạm Đức	Dũng	Nam	26/10/1986	CH16020	TD	HS dược	50,5	6,25	7,50	13,75	14,0	
21	Bùi Thùy	Dương	Nữ	10/05/1988	CH16021	TD	DL&DLS	71,0	6,25	5,75	12,00	12,0	
22	Lê Huy	Dương	Nam	04/02/1987	CH16022	TD	CNDP&BC	54,5	6,50	7,00	13,50	13,5	
23	Nguyễn Ánh	Dương	Nam	04/07/1986	CH16023	TD	TCQLD	43,5	5,00	6,25	11,25	11,5	

24	Nguyễn Thùy	Dương	Nữ	29/11/1986	CH16024	CB	TCQLD	60,0	6,50	8,00	14,50	14,5	
25	Đặng Văn	Đầu	Nam	26/04/1974	CH16025	CB	DL&DLS	53,5	4,25	3,75	8,00	8,0	
26	Nguyễn Thị	Đông	Nữ	15/08/1973	CH16026	CB	HS được	53,5	5,75	7,75	13,50	13,5	
27	Nguyễn Hương	Giang	Nữ	07/09/1987	CH16027	TD	DL-DHCT	75,5	7,25	6,75	14,00	14,0	
28	Nguyễn Trường	Giang	Nam	05/10/1987	CH16028	TD	TCQLD	62,5	7,50	7,00	14,50	14,5	
29	Nguyễn Văn	Giang	Nam	01/01/1987	CH16029	TD	CNDP&BC	62,5	9,00	8,50	17,50	17,5	
30	Phạm Hiền	Giang	Nữ	15/08/1988	CH16030	TD	CNDP&BC	67,5	2,50	Bỏ thi	0,00	0,0	
31	Lê Minh	Hải	Nam	30/06/1988	CH16031	TD	TCQLD	33,0	6,50	4,75	11,25	11,5	
32	Phạm Văn	Hải	Nam	25/03/1987	CH16032	TD	DL-DHCT	50,0	2,75	1,50	4,25	4,5	
33	Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	15/09/1978	CH16033	CB	DL&DLS	57,5	7,25	6,25	13,50	13,5	
34	Phùng Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	18/06/1988	CH16034	TD	CNDP&BC	61,0	5,75	6,00	11,75	12,0	
35	Dương Thị	Hảo	Nữ	20/04/1986	CH16035	TD	DL&DLS	52,5	3,00	4,50	7,50	7,5	
36	Đỗ Thu	Hằng	Nữ	15/08/1986	CH16036	TD	CNDP&BC	78,5	4,25	6,50	10,75	11,0	
37	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	15/02/1988	CH16037	TD	DL&DLS	64,0	8,75	7,00	15,75	16,0	
38	Lê Thị Bích	Hiền	Nữ	26/08/1987	CH16038	CB	DL-DHCT	81,0	9,00	9,00	18,00	18,0	
39	Phạm Thị	Hiền	Nữ	20/02/1988	CH16039	TD	CNDP&BC	73,0	7,75	8,75	16,50	16,5	
40	Lê Thanh	Hoa	Nữ	15/02/1988	CH16040	TD	CNDP&BC	Bỏ thi					
41	Đỗ Thị Thúy	Hòa	Nữ	11/07/1987	CH16041	CB	DL-DHCT	79,5	7,25	7,25	14,50	14,5	
42	Lâm Thị	Hòa	Nữ	11/12/1986	CH16042	TD	CNDP&BC	71,5	9,25	7,25	16,50	16,5	
43	Lê Thu	Hoài	Nữ	25/12/1987	CH16043	CB	HS được	61,0	4,00	7,50	11,50	11,5	
44	Trần Thị Thanh	Huế	Nữ	22/05/1984	CH16044	CB	KNT-ĐC	75,0	9,00	8,75	17,75	18,0	
45	Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	15/07/1987	CH16045	TD	DL&DLS	53,0	5,00	3,00	8,00	8,0	
46	Lê Mạnh	Hùng	Nam	18/10/1984	CH16046	TD	CNDP&BC	56,0	5,50	5,25	10,75	11,0	
47	Trương Xuân	Huy	Nam	20/10/1986	CH16047	TD	DL&DLS	Bỏ thi					
48	Lương Thị Thanh	Huyền	Nữ	16/04/1974	CH16048	CB	DL&DLS	51,0	5,00	6,50	11,50	11,5	
49	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	09/12/1987	CH16049	TD	HS được	74,0	7,25	5,25	12,50	12,5	
50	Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	21/10/1987	CH16050	TD	TCQLD	50,0	3,00	Bỏ thi	0,00	0,0	
51	Vũ Thị Thu	Huyền	Nữ	18/01/1987	CH16051	TD	TCQLD	66,0	9,00	6,75	15,75	16,0	
52	Lê Văn	Hưng	Nam	16/11/1987	CH16052	TD	TCQLD	59,0	8,00	7,50	15,50	15,5	
53	Nguyễn Văn	Hưng	Nam	30/07/1987	CH16053	TD	DL&DLS	50,0	5,00	6,50	11,50	11,5	
54	Bùi Thị Thu	Hương	Nữ	08/08/1986	CH16054	TD	TCQLD	Bỏ thi					

55	Đàm Mai	Hương	Nữ	23/12/1976	CH16055	TD	DL&DLS	67,5	7,00	7,75	14,75	15,0	
56	Đinh Thị Thúy	Hương	Nữ	28/10/1987	CH16056	CB	DL&DLS	45,0	7,50	7,50	15,00	15,0	
57	Đinh Thu	Hương	Nữ	29/08/1987	CH16057	TD	TCQLD	72,5	8,50	8,00	16,50	16,5	
58	Nguyễn Lan	Hương	Nữ	14/09/1987	CH16058	TD	DL&DLS	68,5	8,75	7,00	15,75	16,0	
59	Nguyễn Thị Lan	Hương	Nữ	25/12/1988	CH16059	TD	CNDP&BC	58,5	6,00	6,25	12,25	12,5	
60	Nguyễn Thu	Hương	Nữ	05/06/1981	CH16060	CB	DL&DLS	70,0	8,75	8,00	16,75	17,0	
61	Phạm Lan	Hương	Nữ	06/05/1984	CH16061	TD	DL&DLS	Bỏ thi					
62	Trần Thị Mai	Hương	Nữ	19/08/1988	CH16062	TD	TCQLD	51,0	6,75	6,00	12,75	13,0	
63	Hà Thanh	Hương	Nữ	07/01/1985	CH16063	TD	DL-DHCT	60,0	7,00	3,75	10,75	11,0	
64	Nguyễn Ngọc	Hữu	Nam	05/07/1983	CH16064	TD	DL&DLS	54,5	8,50	5,25	13,75	14,0	
65	Hoàng Thị	Khánh	Nữ	02/09/1984	CH16065	CB	TCQLD	63,5	8,00	6,50	14,50	14,5	
66	Lương Thúy	Lan	Nữ	06/09/1987	CH16066	TD	DL&DLS	72,5	8,50	6,25	14,75	15,0	
67	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	Nữ	05/08/1985	CH16067	TD	DL-DHCT	64,0	7,25	7,50	14,75	15,0	
68	Trần Thị Bích	Lan	Nữ	04/07/1987	CH16068	TD	DL&DLS	80,0	6,25	5,75	12,00	12,0	
69	Nguyễn Thị Quỳnh	Liên	Nữ	24/11/1987	CH16069	TD	DL&DLS	67,0	3,25	5,25	8,50	8,5	
70	Đinh Thùy	Linh	Nữ	04/01/1987	CH16070	TD	DL&DLS	60,5	6,00	6,50	12,50	12,5	
71	Hà Diệu	Linh	Nữ	14/08/1984	CH16071	CB	DL&DLS	58,0	7,25	8,50	15,75	16,0	
72	Ngô Thùy	Linh	Nữ	30/11/1985	CH16072	CB	TCQLD	68,5	8,50	6,75	15,25	15,5	
73	Nguyễn Duy	Linh	Nam	05/12/1988	CH16073	TD	DL&DLS	67,0	6,00	5,00	11,00	11,0	
74	Nguyễn Khánh Thùy	Linh	Nữ	01/12/1987	CH16074	CB	DL-DHCT	72,5	9,75	8,75	18,50	18,5	
75	Trần Thị Thùy	Linh	Nữ	22/09/1988	CH16075	TD	DL&DLS	79,0	9,25	8,75	18,00	18,0	
76	Nguyễn Hồng	Loan	Nữ	16/12/1987	CH16076	TD	DL&DLS	51,5	8,75	8,25	17,00	17,0	
77	Nguyễn Thị	Loan	Nữ	06/02/1987	CH16077	TD	DL&DLS	61,0	8,25	5,00	13,25	13,5	
78	Đồng Thị Hà	Ly	Nữ	24/12/1987	CH16078	TD	HS được	63,0	6,50	6,50	13,00	13,0	
79	Phan Lê Bình	Mai	Nữ	23/11/1986	CH16079	CB	HS được	68,0	10,0	7,00	17,00	17,0	
80	Phạm Lê	Minh	Nam	31/01/1987	CH16080	CB	KNT-ĐC	80,5	9,50	9,75	19,25	19,5	
81	Nguyễn Thị	Mơ	Nữ	03/06/1987	CH16081	TD	DL&DLS	59,0	7,00	6,75	13,75	14,0	
82	Phạm Thị Phương	Nga	Nữ	11/09/1984	CH16082	CB	DL&DLS	63,5	8,75	7,25	16,00	16,0	
83	Đinh Thị Thu	Ngân	Nữ	16/02/1987	CH16083	CB	DL&DLS	69,5	5,00	7,25	12,25	12,5	
84	Nguyễn Thị	Ngân	Nữ	30/05/1988	CH16084	TD	DL&DLS	62,5	8,50	8,75	17,25	17,5	
85	Lê Thanh	Nghị	Nam	10/03/1986	CH16085	CB	DL&DLS	46,5	6,50	4,25	10,75	11,0	

86	Nguyễn Minh	Ngọc	Nữ	26/07/1986	CH16086	TD	DL-DHCT	68,0	6,75	7,00	13,75	14,0	
87	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	Nữ	06/11/1986	CH16087	CB	KNT-ĐC	80,0	8,50	8,00	16,50	16,5	
88	Vũ Thị	Nhiều	Nữ	18/01/1976	CH16088	TD	TCQLD	43,0	7,00	6,00	13,00	13,0	
89	Triệu Thị	Nhung	Nữ	24/10/1988	CH16089	TD	DL-DHCT	54,0	6,00	5,00	11,00	11,0	
90	Trịnh Văn	Ninh	Nam	16/12/1986	CH16090	TD	CNDP&BC	63,5	9,25	7,00	16,25	16,5	
91	Khuất Thị	Oanh	Nữ	05/09/1981	CH16091	CB	DL&DLS	61,5	7,00	8,00	15,00	15,0	
92	Nguyễn Thị Kim	Oanh	Nữ	01/10/1985	CH16092	CB	CNDP&BC	59,5	9,25	7,00	16,25	16,5	
93	Đoàn Xuân	Phan	Nam	19/05/1985	CH16093	TD	CNDP&BC	47,0	4,00	5,00	9,00	9,0	
94	Vũ Đình	Phóng	Nam	21/01/1984	CH16094	TD	TCQLD	58,8	9,75	9,00	18,75	19,0	
95	Nguyễn Thị Thanh	Phúc	Nữ	27/07/1988	CH16095	TD	CNDP&BC	75,5	8,50	7,00	15,50	15,5	
96	Nguyễn Việt	Phúc	Nam	05/10/1986	CH16096	TD	TCQLD	53,5	4,00	5,75	9,75	10,0	
97	Đỗ Thị	Phương	Nữ	14/06/1985	CH16097	TD	CNDP&BC	52,5	6,75	6,75	13,50	13,5	
98	Đồng Thị Xuân	Phương	Nữ	20/11/1988	CH16098	TD	DL&DLS	77,0	9,50	8,50	18,00	18,0	
99	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	22/05/1987	CH16099	TD	TCQLD	72,5	9,50	8,00	17,50	17,5	
100	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	15/07/1988	CH16100	TD	CNDP&BC	57,5	9,25	7,00	16,25	16,5	
101	Phạm Thị Loan	Phượng	Nữ	14/09/1981	CH16101	TD	TCQLD	60,0	7,75	8,00	15,75	16,0	
102	Lê Thị Đỗ	Quyên	Nữ	17/09/1987	CH16102	TD	DL&DLS	51,5	5,00	4,25	9,25	9,5	
103	Trần Lệ	Quyên	Nữ	26/03/1987	CH16103	TD	DL&DLS	59,0	8,50	7,75	16,25	16,5	
104	Vũ Thanh	Tâm	Nữ	21/12/1987	CH16104	TD	DL&DLS	72,0	3,50	4,50	8,00	8,0	
105	Đào Anh	Thái	Nam	11/01/1978	CH16105	TD	TCQLD	65,5	9,00	7,50	16,50	16,5	
106	Đình Đức	Thành	Nam	10/01/1987	CH16106	CB	DL&DLS	72,5	9,25	9,75	19,00	19,0	
107	Tô Xuân	Thành	Nam	11/08/1977	CH16107	CB	TCQLD	52,5	7,75	7,75	15,50	15,5	
108	Hoàng Thị Phương	Thảo	Nữ	30/07/1987	CH16108	TD	TCQLD	Bỏ thi					
109	Hoàng Thị Thanh	Thảo	Nữ	18/01/1988	CH16109	TD	DL&DLS	70,5	7,25	8,50	15,75	16,0	
110	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	15/11/1985	CH16110	CB	DL-DHCT	76,0	9,75	9,25	19,00	19,0	
111	Trần Mai Phương	Thảo	Nữ	08/08/1988	CH16111	TD	DL&DLS	78,0	9,50	9,50	19,00	19,0	
112	Vũ Ngọc	Thắng	Nam	10/11/1983	CH16112	CB	KNT-ĐC	61,5	9,50	9,25	18,75	19,0	
113	Bùi Thị	Thom	Nữ	06/03/1972	CH16113	TD	TCQLD	54,0	6,25	7,00	13,25	13,5	
114	Ngô Thị	Thu	Nữ	02/04/1988	CH16114	TD	DL-DHCT	66,0	8,00	7,00	15,00	15,0	
115	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	28/01/1984	CH16115	TD	TCQLD	Bỏ thi					
116	Ninh Thị Kim	Thu	Nữ	08/08/1987	CH16116	CB	CNDP&BC	71,0	6,50	6,75	13,25	13,5	

117	Nguyễn Phương	Thúy	Nữ	08/01/1985	CH16117	CB	DL&DLS	80,0	7,50	9,25	16,75	17,0	
118	Nguyễn Thị Phương	Thúy*	Nữ	14/12/1988	CH16118	TD	DL&DLS	58,0	8+1	6,00	14+1	15,0	Ưu tiên DT
119	Vũ Thị	Thúy	Nữ	14/01/1987	CH16119	TD	TCQLD	73,5	9,00	7,50	16,50	16,5	
120	Nguyễn Chung	Thủy	Nữ	30/03/1986	CH16120	CB	KNT-ĐC	61,0	8,00	9,00	17,00	17,0	
121	Thái Thị	Thủy	Nữ	20/01/1986	CH16121	TD	TCQLD	Bỏ thi					
122	Trần Thị Ngọc	Thủy	Nữ	13/10/1980	CH16122	CB	KNT-ĐC	58,0	3,00	6,00	9,00	9,0	
123	Trần Thị Thu	Thủy	Nữ	19/11/1987	CH16123	TD	KNT-ĐC	53,5	3,00	4,50	7,50	7,5	
124	Nguyễn Hữu	Tiến	Nam	18/01/1987	CH16124	CB	KNT-ĐC	78,0	9,75	8,50	18,25	18,5	
125	Phùng Quang	Toàn	Nam	26/03/1972	CH16125	CB	DL&DLS	53,0	1,50	4,75	6,25	6,5	
126	Ngô Thị Huyền	Trang	Nữ	30/12/1987	CH16126	CB	DL-DHCT	64,5	8,75	9,00	17,75	18,0	
127	Ngô Thị Thu	Trang	Nữ	19/08/1987	CH16127	TD	TCQLD	68,5	5,00	5,50	10,50	10,5	
128	Nguyễn Hồng	Trang	Nữ	16/04/1988	CH16128	TD	DL&DLS	78,5	8,75	8,50	17,25	17,5	
129	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	Nữ	18/11/1987	CH16129	CB	DL&DLS	68,5	9,00	6,50	15,50	15,5	
130	Vũ Thị Thu	Trang	Nữ	09/09/1981	CH16130	CB	KNT-ĐC	58,0	8,00	8,25	16,25	16,5	
131	Nghiêm Đức	Trọng	Nam	18/07/1986	CH16131	CB	DL-DHCT	58,0	5,75	6,75	12,50	12,5	
132	Trần Văn	Trung	Nam	30/08/1981	CH16132	CB	DL-DHCT	50,0	5,00	3,50	8,50	8,5	
133	Lê Kế	Trường	Nam	02/11/1987	CH16133	TD	TCQLD	Bỏ thi					
134	Đoàn Tuấn	Tú	Nam	05/05/1987	CH16134	DN	TCQLD	62,0	5,25	6,75	12,00	12,0	
135	Nguyễn Thị Ngọc	Tú	Nữ	10/03/1987	CH16135	TD	TCQLD	Bỏ thi					
136	Nguyễn Khắc	Tùng	Nam	16/03/1987	CH16136	CB	KNT-ĐC	57,0	4,25	4,00	8,25	8,5	
137	Nguyễn Thị Hồng	Tuyến	Nữ	08/06/1986	CH16137	TD	TCQLD	63,5	9,25	7,75	17,00	17,0	
138	Nguyễn Thị Hồng	Vân	Nữ	21/07/1988	CH16138	TD	DL-DHCT	73,0	9,75	8,25	18,00	18,0	
139	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	Nữ	24/09/1980	CH16139	CB	DL&DLS	67,0	7,50	7,25	14,75	15,0	
140	Đình Hải	Yến	Nữ	01/10/1987	CH16140	TD	TCQLD	71,5	6,25	6,25	12,50	12,5	

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2011

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TSSDH

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
ĐƯỢC HÀ NỘI

PGS.TS. Thái Nguyễn Hùng Thu